

Số: **3407**/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **15** tháng **8** năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của Quận 4**

## **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng*

*lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn Thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019; số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020; số 113/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021; số 58/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; số 59/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022);*

*Theo báo cáo và đề xuất, kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6081/TTr-STNMT-QLĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023, Ủy ban nhân dân Quận 4 tại Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của Quận 4 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch.
2. Kế hoạch thu hồi các loại đất.
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất.
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

*(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).*

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân Quận 4:

a) Kiểm tra, rà soát các chỉ tiêu trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đảm bảo các nguyên tắc thể hiện tại Kế hoạch số 7890/KH-STNMT-QLĐ ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và cập nhật chỉ tiêu sử dụng đất này vào quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 đồng thời với quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2025 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tích hợp vào quy hoạch tỉnh đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất.

b) Việc đăng ký kế hoạch, giải quyết hồ sơ sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất; xác định cụ thể nguyên nhân chậm thực hiện, vướng mắc, làm việc với các chủ đầu tư về nguồn vốn đầu tư, chủ trương đầu tư, kế hoạch và khả năng thực hiện dự án đối với các trường hợp đã đăng ký kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo triển khai đúng thời hạn, khả thi; chịu trách nhiệm về việc đề xuất tiếp tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đối với các công trình - dự án đã

đăng ký kế hoạch sử dụng đất từ năm 2020 trở về trước và việc đề xuất đăng ký nhu cầu sử dụng đất của người sử dụng đất.

c) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt và quy định pháp luật.

d) Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

đ) Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

## 2. Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở-ngành có liên quan:

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân Quận 4 thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

b) Xác định, cân đối các nguồn vốn để thực hiện dự án - công trình và thường xuyên rà soát vướng mắc, phối hợp xử lý hoặc báo cáo đề xuất tháo gỡ nhằm đảm bảo kế hoạch sử dụng đất được thực hiện khả thi; thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, hiệu quả, phát huy tiềm năng về đất.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - Ban- Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### *Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Thường trực Thành Ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên UBND TP;
- VPUB: Các PCVP;
- Các Phòng NCTH, TTTH;
- Lưu: VT, (ĐT/LT). 5

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Xuân Cường**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC  
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 CỦA QUẬN 4**

(Ban hành kèm theo Quyết định **3407**/QĐ-UBND ngày **15** tháng **8**, năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

**1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch:**

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				P.1	P.2	P.3	P.4	P.6	P.8	P.9	P.10	P.13	P.14	P.15	P.16	P.18	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
<b>I</b>	<b>LOẠI ĐẤT</b>																
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>417,84</b>	<b>37,83</b>	<b>35,70</b>	<b>30,16</b>	<b>29,06</b>	<b>19,73</b>	<b>16,02</b>	<b>11,47</b>	<b>11,12</b>	<b>84,57</b>	<b>17,22</b>	<b>21,38</b>	<b>32,51</b>	<b>71,08</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>															
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>417,84</b>	<b>37,83</b>	<b>35,70</b>	<b>30,16</b>	<b>29,06</b>	<b>19,73</b>	<b>16,02</b>	<b>11,47</b>	<b>11,12</b>	<b>84,57</b>	<b>17,22</b>	<b>21,38</b>	<b>32,51</b>	<b>71,08</b>	
	<i>Trong đó:</i>																
2.1	Đất quốc phòng	CQP	2,50									0,13				2,38	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,65				0,14					0,50					
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK															
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN															
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	11,57	1,35	0,46	0,56	0,01	0,004	0,16	0,11	0,27	6,66		0,05	0,14	1,83	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	11,53	1,90	0,49	0,17	0,70					4,29	0,01	0,10	0,06	3,82	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS															
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX															
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	114,58	6,32	8,45	9,94	9,03	8,09	4,59	5,25	2,82	26,31	2,86	4,09	7,29	19,52	
	<i>Trong đó:</i>																
2.9.1	Đất giao thông	DGT	84,79	5,53	6,70	6,92	6,77	7,13	3,80	3,42	2,56	16,87	2,59	3,38	5,31	13,80	
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	4,21	0,03								1,42				2,76	







STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				P.1	P.2	P.3	P.4	P.6	P.8	P.9	P.10	P.13	P.14	P.15	P.16	P.18
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ ...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.9.16	Đất chợ	DCH	0,12					0,12								
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL														
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH														
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV														
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT														
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,93	0,17				0,69								0,07
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,07	0,07				0,003								
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,001					0,001								
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG														
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN														
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON														
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC														
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK														

### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				P.1	P.2	P.3	P.4	P.6	P.8	P.9	P.10	P.13	P.14	P.15	P.16	P.18
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+ ...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN														
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP														
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,39				0,13	0,26								

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng: Trên địa bàn Quận 4 không còn diện tích đất chưa sử dụng./.